

Bản án số: 03/2019/LĐ-ST
Ngày: 08 - 01 - 2019
V/v: Đòi tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên

2. Bà Nguyễn Thị Rạt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 157/2018/TLST- LĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2018/QĐXX- ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực K, thị trấn Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2.Bị đơn: Công ty cổ phần H.

Địa chỉ: Khu vực 1, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Nandaa Kumar Balakrishnan

Người đại diện theo ủy quyền ông Nandaa Kumar Balakrishnan là ông Nguyễn Minh Thuận, sinh năm 1976. Địa chỉ: 33/1 đường số 11 KP 1, phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà H trình bày như sau: bà vào làm việc tại Công ty cổ phần H từ tháng 7/2014 đến tháng 7/2016 thì công ty ngưng hoạt động nhưng không trả lương cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần mía đường trả ông các khoản tiền sau:

1/Tiền lương tháng 01/2016: là 2.530.100 đồng và tháng 02/2016 là 3.342.000 đồng.

2/ Tiền lương chờ việc từ tháng 7/2016 đến hết tháng 6/2017 mỗi tháng 2.774.500 đồng x 12 tháng = 33.294.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà bà yêu cầu Công ty cổ phần mía đường chi trả là: 39.256.100 đồng.

Bị đơn Công ty cổ phần H: Đã được Tòa án tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng nhưng Công ty cổ phần H không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm Phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đã tiến hành làm việc đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà H là buộc Công ty cổ phần H trả cho ông Mông lương tháng 1 và tháng 02 năm 2016 và lương chờ việc các khoản là 39.256.100 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua yêu cầu khởi kiện của đối với Công ty cổ phần H, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: tranh chấp “Đòi tiền lương” khi chấm dứt hợp đồng lao động, Bà H cho rằng bà bị Công ty cổ phần H xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp nên bà có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS), vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại Điều 35, 186 Bộ luật TTDS. Đối với Công ty cổ phần H vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng công ty cũng không trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Công ty cổ phần H.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của Bà H trình bày tại phiên tòa thì thấy rằng giữa bà H với Công ty cổ phần H hai bên có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ tháng 7/2014. Đến hết tháng 6/2016 thì Công ty cổ phần H ngưng hoạt động. Nay bà yêu cầu Công ty cổ phần H phải thanh toán cho bà số tiền lương tiền lương tháng 01/2016 và tháng 02/2016 là 5.962.100 đồng là phù hợp Điều 96 Bộ luật lao động. Ngoài ra bà còn yêu cầu Công ty cổ phần H trả lương ngừng việc 12 tháng từ tháng 7/2016 đến hết tháng 6/2017 mỗi tháng là 2.774.500 đồng x 12 tháng = 33.294.000 đồng phù hợp Điều 98 Bộ luật lao động. Như vậy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên ghi nhận.

[3] Về án phí: Bà H không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Công ty cổ phần H phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 184, Điều 186, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 96, Điều 98 Bộ luật lao động; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận yêu cầu của Bà H tranh chấp “Đòi tiền lương” đối với Công ty cổ phần H.

Buộc Công ty cổ phần H phải trả tiền lương ngừng việc cho Bà H là 33.294.000 đồng và trả tiền lương tháng 01, 02/2016 là 5.962.100 đồng. Tổng cộng: 39.256.100 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi sáu ngàn một trăm đồng).

Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2/ Án phí: Bà H không phải chịu án phí. Công ty cổ phần H phải chịu 1.177.683 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Hạnh 300.000 đồng theo biên lai số 3204 ngày 31/8/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Long An;
- VKSNĐ huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy